

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/DS-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Huỳnh Đức Tâm
2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* ả guyễn Thị Mộng Th, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T, bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 06/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Do có quen biết với nhau nên bà có cho bà Th mượn tạm nhiều lần lên đến tổng số tiền là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng. Vào ngày 15/02/2021, bà Th viết giấy tay với nội dung: “...Tổng số nợ con mượn là 110 triệu. Con hứa giờ tới 15/2/2022 (AI) con trả tất...”. Tuy nhiên, bà Th không trả số tiền nợ của bà. Đến hạn, bà đòi nhiều lần nhưng bà Th vẫn không trả số tiền nói trên.

Vì vậy, bà T có yêu cầu bà Th phải trả cho bà số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng; không yêu cầu tính lãi.

Do bận việc làm ăn, bà không thể tiếp tục đến Tòa án giải quyết việc tranh chấp tiền vay với bà Th được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo và tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Th vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 09 tháng 9 năm 2022, bà Th vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay nhưng bà Th vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bà ả guyễn Thị Mộng Th đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà Phạm Thị Kim T vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và bà Th.

[2] ả ội dung vụ án: Bà Phạm Thị Kim T khởi kiện ả guyễn Thị Mộng Th yêu cầu có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng vì bà cho rằng bà Th có vay của bà số tiền là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng và bà Th có viết giấy tay nội dung còn thiếu nợ của bà số tiền là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Xét giấy tay ghi nợ đề ngày 15/02/2021 nói trên giữa người vay là ả guyễn Thị Mộng Th và người cho vay là bà Phạm Thị Kim T là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự. Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà Th thể hiện bà T có cho bà Th vay tiền nhiều lần nhưng không có ghi giấy tờ. Đến ngày 15/02/2021 bà T và bà Th tổng kết nợ, bà Th còn nợ của bà T tổng số tiền là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng, bà Th viết giấy tay, ký tên và viết tên vào giấy nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn theo đơn khởi kiện là có căn cứ bởi vì giấy ghi nợ nói trên ả guyễn Thị Mộng Th đã ký tên và viết rõ họ và tên, trong nội dung giấy ghi nợ có thể hiện rõ: Hôm nay ngày 15/2/2021, Tổng số nợ là 110 triệu đồng. ả hư vậy, việc bà Th còn nợ của bà T là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng là có căn cứ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà T cho rằng khi đến hết thời gian mà bà Th cam kết hứa trả theo giấy ghi nợ, nhiều lần bà T có yêu cầu bà Th phải trả nợ theo giấy nợ nhưng bà Th không thực hiện. ả hư vậy, bà Th đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T, bà Th đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên xét yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận là phù hợp.

Đối với bà Th: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà Th vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, bà Th đương nhiên đã từ bỏ quyền lợi trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa, Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của bà Th được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất: Bà T không yêu cầu tính lãi Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T về việc yêu cầu buộc ả guyễn Thị Mộng Th phải trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Về án phí: Buộc ả guyễn Thị Mộng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 110.000.000 đồng x 5% = 5.500.000 đồng.

Bà Phạm Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm

mười nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008190 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; ả ghi quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim T về việc yêu cầu ả guyến Thị Mộng Th có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị Kim T số tiền vay vốn là 110.000.000 (*Một trăm mười triệu*) đồng.

2. Buộc ả guyến Thị Mộng Th có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị Kim T số tiền là 110.000.000 (*Một trăm mười triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà Th còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ả guyến Thị Mộng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 2.750.000 (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0008190 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của các đương sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ả D huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- T ả D tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thế Trang Đền